

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **363/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 16 - 12 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Điệp.

Ông Duyên Văn Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 680/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 284/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh X, sinh năm 1970.

- *Bị đơn:* Ông Tiết Chí D, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2020 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:** Vào năm 1996 bà X và ông D được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) vào ngày 12/8/1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/1996). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Tiết Thị Phương T, sinh năm 1997 và Tiết Chí C, sinh năm 1999 (đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi bản thân).

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà X cho rằng vào năm 2006 bà có khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D tại Tòa án, sau đó được Tòa án hòa giải và vợ chồng hàn gắn

sống chung trở lại cho đến nay. Thời gian gần đây ông D thường xuyên rượu chè, ngoại tình, không quan tâm lo lắng gì đối với vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà X đã khuyên ngăn ông D nhiều lần nhưng ông D không sửa đổi.

Bà X yêu cầu ly hôn với anh D; về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa bà X và anh D được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà X và ông D không làm được điều đó, mà lại làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù bà X không chứng minh được việc ông D thường xuyên rượu chè và ngoại tình, nhưng ông D biết được việc bà X khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông D không có ý kiến gì phản hồi đến Tòa án và hơn nữa quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông D 02 lần để tham gia hòa giải nhằm hàn gắn mỗi quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông D, nhưng ông D đều không đến, nên có căn cứ xác định ông D không còn quan tâm và lo lắng gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân giữa ông và bà X, do đó chứng minh được trong thời kỳ hôn nhân bà X và ông D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp

nhận cho bà X được ly hôn với ông D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/1996 ngày 12/8/1996 của UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà X cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên chưa có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà X và ông D. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà X phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà X đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh X.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ánh X ly hôn với ông Tiết Chí D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/1996 ngày 12/8/1996 của UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà X đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004064 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu*

*cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- **UBND thị trấn S;**
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**